

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT X
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2024
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 ("gọi tắt là Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ").

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Ngọc Thạch	Chủ tịch	
Ông Mai Xuân Phong	Thành viên	
Ông Đinh Tiến Long	Thành viên	
Bà Lương Thị Thu Hương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Bà Bùi Thị Thanh An	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Bà Đỗ Thị Phương Lan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Võ Tùng Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024

Ban Tổng Giám đốc

Ông Mai Xuân Phong	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thành Trung	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Vĩnh Hòa	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Lương Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 5 năm 2024

Ban kiểm soát

Ông Trần Phước Thái	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Bà Đặng Phương Lan	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Trần Thanh Tuấn	Thành viên	
Bà Phạm Trâm Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Mai Xuân Phong - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng tổng hợp của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng tổng hợp của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng tổng hợp cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Mai Xuân Phong
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 8 năm 2024

Số: 182 /VACO/BCSX.HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 23 tháng 8 năm 2024, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ (gọi chung là "Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng tổng hợp của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng tổng hợp của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các vấn đề cần nhấn mạnh

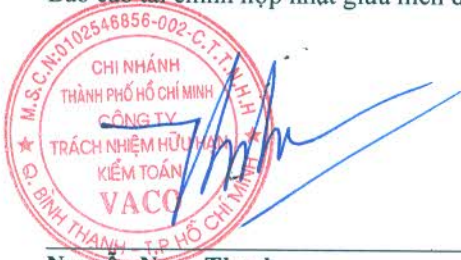
Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty đến Thuyết minh số 5 của Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ. Tại đó, Tổng Công ty trình bày thông tin về việc chưa ghi nhận giao dịch góp vốn của Tổng Công ty tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Cỏ May trên Báo cáo tài chính riêng tổng hợp cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Tổng Công ty.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ đến Thuyết minh số 33 của Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ. Tại đó, Tổng Công ty trình bày thông tin liên quan đến khoản vay Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty được phát hành cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty; Theo đó, để có thông tin đầy đủ Báo cáo này cần đọc đồng thời cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty.



Nguyễn Ngọc Thạch

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2023-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		398.800.600.559	350.467.027.415
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	319.364.877.630	195.947.779.875
1. Tiền	111		4.067.292.803	3.092.779.875
2. Các khoản tương đương tiền	112		315.297.584.827	192.855.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.000.000.000	118.437.453.503
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	1.000.000.000	118.437.453.503
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		69.486.786.705	27.733.208.518
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	10.377.033.747	8.954.615.746
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.405.947.690	1.093.660.342
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	60.512.139.791	21.508.408.876
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(3.808.334.523)	(3.823.476.446)
IV. Hàng tồn kho	140		8.891.665.067	8.018.652.276
1. Hàng tồn kho	141	10	8.891.665.067	8.018.652.276
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		57.271.157	329.933.243
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	56.271.157	97.905.593
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	1.000.000	232.027.650
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.624.461.631.958	1.619.098.231.614
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.393.720.712	4.370.628.046
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	4.393.720.712	4.370.628.046
II. Tài sản cố định	220		30.175.794.102	31.133.808.420
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	13.060.479.527	13.625.688.575
- Nguyên giá	222		99.260.632.836	99.260.632.836
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(86.200.153.309)	(85.634.944.261)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	17.115.314.575	17.508.119.845
- Nguyên giá	228		25.929.238.472	25.929.238.472
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.813.923.897)	(8.421.118.627)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		692.513.233.782	692.513.233.782
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	692.513.233.782	692.513.233.782
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		897.172.763.646	890.778.683.646
1. Đầu tư vào công ty con	251	5	148.758.961.387	148.758.961.387
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5	676.126.943.864	676.126.943.864
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	131.851.261.456	131.851.261.456
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5	(59.564.403.061)	(65.958.483.061)
V. Tài sản dài hạn khác	260		206.119.716	301.877.720
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	206.119.716	301.877.720
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.023.262.232.517	1.969.565.259.029

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		135.562.727.694	76.750.747.121
I. Nợ ngắn hạn	310		107.300.063.042	49.766.898.469
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	1.185.537.529	460.096.604
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		357.750.000	-
3. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	4.345.656.890	5.922.823.581
4. Phải trả người lao động	314		1.375.993.882	7.994.037.869
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	21.887.527.490	19.390.162.697
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		5.303.031	5.303.031
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	76.443.991.907	14.178.019.837
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.698.302.313	1.816.454.850
II. Nợ dài hạn	330		28.262.664.652	26.983.848.652
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	22.466.510.000	22.466.510.000
2. Thuê thu nhập hoãn lại phải trả	341	19	5.796.154.652	4.517.338.652
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.887.699.504.823	1.892.814.511.908
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	1.887.699.504.823	1.892.814.511.908
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.250.000.000.000	1.250.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.250.000.000.000	1.250.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(95.950.000)	(95.950.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.060.891.094	11.060.891.094
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		626.734.563.729	631.849.570.814
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		564.527.673.255	556.221.509.059
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ này	421b		62.206.890.474	75.628.061.755
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.023.262.232.517	1.969.565.259.029
(440 = 300 + 400)				



Mai Xuân Phong
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 8 năm 2024

[Signature]

Vũ Thị Hồng Gấm
Kế toán trưởng

[Signature]

Lê Cao Thùy Linh
Người lập biểu


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	45.074.764.581	46.075.275.829
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	26.047.308	28.598.323
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	23	45.048.717.273	46.046.677.506
4. Giá vốn hàng bán	11	24	25.048.387.637	26.753.873.924
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		20.000.329.636	19.292.803.582
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	50.227.630.557	65.729.353.176
7. Chi phí tài chính	22	27	(6.394.080.000)	5.026.367.468
8. Chi phí bán hàng	25	28	2.694.961.863	3.117.495.134
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	7.027.834.294	7.552.927.758
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		66.899.244.036	69.325.366.398
11. Thu nhập khác	31		25.000.962	626
12. Chi phí khác	32		82.000.560	10.431.163
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(56.999.598)	(10.430.537)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		66.842.244.438	69.314.935.861
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	3.356.537.964	6.762.305.628
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	1.278.816.000	(1.004.784.001)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		62.206.890.474	63.557.414.234




Mai Xuân Phong
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 8 năm 2024


Vũ Thị Hồng Gấm
Kế toán trưởng


Lê Cao Thùy Linh
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	66.842.244.438	69.314.935.861
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	958.014.318	1.246.602.746
- Các khoản dự phòng	03	(6.409.221.923)	4.900.453.761
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(218.511)	(7.019.061)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(50.013.081.063)	(65.706.568.830)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	11.377.737.259	9.748.404.477
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2.643.521.405)	(5.545.416.522)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(873.012.791)	(795.565.396)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(3.230.277.645)	(3.373.751.744)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	137.392.440	415.857.006
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.629.662.958)	(49.599.331)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.944.800.096)	(5.378.479.865)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(5.806.145.196)	(4.978.551.375)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.233.935.139)	(534.787.700.807)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	122.671.388.642	504.400.042.834
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.785.789.448	23.085.219.458
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	129.223.242.951	(7.302.438.515)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(1.088.057.341)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(1.088.057.341)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	123.417.097.755	(13.369.047.231)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	195.947.779.875	20.686.727.113
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70	319.364.877.630	7.317.679.882



Mai Xuân Phong
Tổng Giám đốc
Tp Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 8 năm 2024

Vũ Thị Hồng Gấm
Kế toán trưởng

Lê Cao Thùy Linh
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước là Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty TNHH MTV theo Quyết định số 1880/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310745210 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 3 năm 2011 và hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 17 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trong quá trình hoạt động, Tổng Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 4 ngày 16 tháng 8 năm 2023 về việc thay đổi thông tin của người đại diện pháp luật.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 1.250.000.000.000 VND, chi tiết như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	792.280.000.000	63,38%	792.280.000.000	63,38%
Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Hưởng Công Viên	-	0,00%	175.260.000.000	14,02%
Công ty CP Quản lý Quỹ HD (HD Capital)	180.000.000.000	14,40%	180.000.000.000	14,40%
Cổ phiếu quỹ	95.950.000	0,01%	95.950.000	0,01%
Các cổ đông khác	277.624.050.000	22,21%	102.364.050.000	8,19%
Cộng	1.250.000.000.000	100%	1.250.000.000.000	100%

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2024 là 73 người (tại ngày 01/01/2024 là 75 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Khai thác thủy sản biển;
- Khai thác thủy sản nội địa;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Sản xuất giống thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (không hoạt động tại trụ sở);
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất rượu vang (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất bia, mạch nha ủ men bia (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (không hoạt động tại trụ sở);
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Đóng tàu và cấu kiện nổi (không hoạt động tại trụ sở);
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác), (không tái chế phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí tại trụ sở);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)****Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là (tiếp theo):

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ bán buôn khí dầu mỏ hóa lỏng LPG tại Thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG tại Thành phố Hồ Chí Minh);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, kinh doanh bến bãi xe ô tô, vận tải hàng không);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại trụ sở);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn đầu thầu;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Quảng cáo;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Thiết kế phương tiện thủy nội địa;
- Cung ứng lao động tạm thời;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước. Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Dạy nghề;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý);
- Dịch vụ hậu cần nghề cá (cung cấp dầu, nước ngọt, lương thực, thực phẩm cho ngư dân, thu mua hải sản, dịch vụ cầu cảng, tiếp nhận hàng hải sản qua cầu cảng cho ngư dân).

Hoạt động chính của Tổng Công ty là nuôi trồng thủy sản, thương mại và dịch vụ cho thuê văn phòng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ**

Căn cứ công văn số 112 ngày 09/04/2024 Tổng Công ty nhận được Văn bản số 4531/STNMT- QLĐĐ ngày 06/9/2023 của Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố Hải Phòng về việc trả lại hồ sơ đề nghị gia hạn sử dụng đất của Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam - Chi nhánh Seaprodex Hải Phòng tại phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng do không phù hợp Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng trong tương lai.

Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ của Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty cổ phần theo quy định; đề nghị Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty cổ phần đến Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường nhận lại hồ sơ và có kế hoạch di dời tài sản, bàn giao lại mặt bằng khu đất cho thành phố khi hết thời hạn được thuê đất.

Ngày 07/5/2024 Tổng Công ty gửi công văn số 171/TSVN-KHTH cho UBND Thành phố Hải Phòng, Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố Hải Phòng về việc đề nghị gia hạn sử dụng đất tại phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Khi UBND Thành phố Hải Phòng thu hồi để triển khai thực hiện quy hoạch phê duyệt thì Tổng Công ty sẽ nhanh chóng bàn giao mặt bằng theo quy định.

Cho tới thời điểm hiện tại, UBND Thành phố Hải Phòng vẫn chưa có thông báo nào về việc đồng ý gia hạn cho thuê đất của Chi nhánh Seaprodex Hải Phòng, Chi nhánh Hải Phòng vẫn tiếp tục hoạt động kinh doanh cho tới khi có thông báo mới của cơ quan có thẩm quyền.

Ban Tổng Giám đốc chưa có kết hoạch ngừng hoạt động Chi nhánh Seaprodex Hải Phòng và đánh giá ảnh hưởng từ việc Chi nhánh Seaprodex Hải Phòng phải ngừng hoạt động (nếu có) đến số liệu Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ là không đáng kể, do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận thấy chưa cần thiết đánh giá và ghi nhận các ảnh hưởng (nếu có) này lên Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ kỳ này.

Cấu trúc Tổng Công ty

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Các công ty con				
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội	Số 20 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội	59,34%	59,34%	Sản xuất, xuất khẩu và thương mại
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	Khu vực 1, Khóm 3, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau	50,83%	50,83%	Sản xuất, xuất khẩu và dịch vụ
Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu - Thủy sản Việt Nam	Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng	62,37%	62,37%	Sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**Cấu trúc Tổng Công ty (Tiếp theo)****Các công ty liên doanh, liên kết (Tiếp theo)**

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Các công ty liên doanh, liên kết				
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản	Số 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh	47,90%	47,90%	Sản xuất, thương mại và dịch vụ
Công ty Cổ phần Đóng sửa tàu Nhà Bè	Số 16/8B Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh	26,46%	26,46%	Sản xuất công nghiệp
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long	Số 8 Nguyễn Công Hoan, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội	20%	20%	Sản xuất và thương mại
Công ty Cổ phần Thủy sản số 5	Số 100/26 Bình Thới, Phường 14, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh	22,59%	22,59%	Gia công, chế biến, mua bán hàng hóa nông thủy hải sản, rau quả
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	Số 71 Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng	27,75%	27,75%	Sản xuất, chế biến, đóng hộp và xuất khẩu các mặt hàng thủy, hải sản, súc sản đông lạnh và các thực phẩm khác
Công ty Cổ phần Thủy sản số 4	Số 320 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh	27,08%	27,08%	Nuôi trồng, chế biến thủy hải sản, nông sản; kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	Số 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng	36,40%	36,40%	Sản xuất, thương mại và chế biến thủy sản
Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga	Trần Nãi, Phường An Lợi Đông, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh	50,00%	50,00%	Sản xuất và thương mại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)****Cấu trúc Tổng Công ty (Tiếp theo)****Các công ty liên doanh, liên kết (Tiếp theo)**

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco	Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Tỉnh Đồng Nai	22,08%	22,08%	Sản xuất thức ăn chăn nuôi, thực hiện các dịch vụ chăn nuôi thú y và tổ chức chăn nuôi, thu mua gà, lợn để chế biến tiêu thụ trong nước và xuất khẩu
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công trình Việt Nam	Số 9 đường Phạm Văn Đồng, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội	21,4%	21,4%	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần - Seaprodex Lâm Đồng	Thôn Kơ Nết, Xã Bảo Thuận, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng
Chi nhánh Seaprodex Hải Phòng - Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần	Ngõ 173 đường Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ

Số liệu kỳ trước so sánh được với số liệu kỳ này.

2. KỲ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Chế độ Kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ kèm theo***2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành,*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế.*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b trên đây) Tổng Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Tổng Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Công cụ tài chính*****Ghi nhận ban đầu***

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở dự thụ. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết (Tiếp theo)*****Góp vốn liên doanh***

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết.

Đối với các trường hợp dự phòng các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà Tổng Công ty đánh giá là cần trích lập dự phòng theo nguyên tắc thận trọng dựa trên các thông tin thu thập được. Giá trị dự phòng sẽ được Hội đồng Thẩm định của Tổng Công ty đánh giá và quyết định.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn của Tổng Công ty.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác (Tiếp theo)***Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:*

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cuối năm và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ. Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc, thiết bị	03 - 13
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 32,5 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất của Tổng Công ty là lô C2 KCN Sóng Thần 2.

Phần mềm máy vi tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 đến 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Tiếp theo)**

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất: Chi phí Tiền thuê đất phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê từ ngày 01/01/2017 đến ngày 16/02/2024.

Tiền thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định: Chi phí thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê.

Chi phí khác: Các khoản chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

Cổ phiếu quỹ: Khi mua lại cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tổng hợp giữa niên độ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tổng hợp giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tổng hợp giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty được lập và công bố cùng với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty, do đó Tổng Công ty không trình bày giao dịch với các bên liên quan trong Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty.

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty được lập và công bố cùng với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty, do đó Tổng Công ty không trình bày chỉ tiêu lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu trong Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	656.200.000	228.104.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.411.092.803	2.864.675.875
Các khoản tương đương tiền (i)	315.297.584.827	192.855.000.000
Cộng	319.364.877.630	195.947.779.875

- (i) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 02 tháng tại các ngân hàng với lãi suất giao động từ 3,5% đến 4,2%/năm.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 2 - 4 - 6 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**MẪU SỐ B 09a-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ kèm theo***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng)	1.000.000.000	1.000.000.000	118.437.453.503	118.437.453.503
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - PGD Thuận An (PGD Lái Thiêu cũ)	-	-	34.872.453.503	34.872.453.503
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Sài Gòn	-	-	81.065.000.000	81.065.000.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Hải Phòng	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
- Ngân hàng Thương mại Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
b) Đầu tư tài chính dài hạn	956.737.166.707	-	(59.564.403.061)	956.737.166.707	-	(65.958.483.061)
- Đầu tư vào công ty con	148.758.961.387	-	(897.022.594)	148.758.961.387	-	(897.022.594)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội (v)	31.450.200.000	59.340.000.000	-	31.450.200.000	89.010.000.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn (i)	79.223.570.400	50.784.340.000	-	79.223.570.400	48.245.123.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu Việt Nam (iii)	38.085.190.987	20.698.380.000	(897.022.594)	38.085.190.987	38.590.200.000	(897.022.594)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	676.126.943.864	-	(46.230.690.406)	676.126.943.864	-	(46.230.690.406)
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản (ii)	4.867.500.000	10.124.400.000	(4.867.500.000)	4.867.500.000	8.956.200.000	(4.867.500.000)
Công ty Cổ phần Đóng sửa tàu Nhà Bè (iii)	2.822.244.376	(*)	(893.163.395)	2.822.244.376	(*)	(893.163.395)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long (iii)	7.055.024.691	(*)	(477.627.011)	7.055.024.691	(*)	(477.627.011)
Công ty Cổ phần Thủy sản số 5 (i)	9.362.396.255	(*)	-	9.362.396.255	(*)	-
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (i)	36.071.360.000	62.431.200.000	-	36.071.360.000	94.340.480.000	-
Công ty Cổ phần Thủy sản số 4 (ii)	39.992.400.000	5.216.400.000	(39.992.400.000)	39.992.400.000	5.216.400.000	(39.992.400.000)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung (v)	10.918.845.000	34.940.304.000	-	10.918.845.000	42.801.872.400	-
Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga (vi)	4.994.824.935	(*)	-	4.994.824.935	(*)	-
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco (vii)	546.897.499.662	(*)	-	546.897.499.662	(*)	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật công trình Việt Nam (i)	13.144.848.945	(*)	-	13.144.848.945	(*)	-

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 2 - 4 - 6 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**MẪU SỐ B 09a-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ kèm theo***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)						
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	131.851.261.456	-	(12.436.690.061)	131.851.261.456	-	(18.830.770.061)
Công ty Cổ phần Searefico (iii)	53.249.400.000	44.301.840.000	(8.947.560.000)	53.249.400.000	37.907.760.000	(15.341.640.000)
Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Hải (i)	26.220.102.358	(*)	-	26.220.102.358	(*)	-
Công ty Cổ phần Thủy đặc sản (i)	23.144.531.354	32.853.600.000	-	23.144.531.354	29.548.800.000	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (i)	22.522.500.000	30.282.143.700	-	22.522.500.000	30.047.398.400	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Phát triển nhà (iv)	2.000.000.000	(*)	(2.000.000.000)	2.000.000.000	(*)	(2.000.000.000)
Công ty Cổ phần Thiết bị Hàng hải - Mecom (i)	1.307.080.395	(*)	-	1.307.080.395	(*)	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu Thủy sản (v)	1.254.969.616	(*)	-	1.254.969.616	(*)	-
Công ty Cổ phần Vật tư thủy sản Việt Nam (iii)	995.940.542	(*)	(741.937.420)	995.940.542	(*)	(741.937.420)
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Mỹ (iii)	553.333.272	(*)	(250.432.469)	553.333.272	(*)	(250.432.469)
Công ty Cổ phần Biển Tây (iv)	455.000.000	(*)	(455.000.000)	455.000.000	(*)	(455.000.000)
Công ty Cổ phần Bao bì thủy sản (iii)	148.403.919	(*)	(41.760.172)	148.403.919	(*)	(41.760.172)

Giá trị hợp lý (*):

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, ngoài các khoản đầu tư tài chính có giá niêm yết trên thị trường của cổ phiếu đầu tư đã được Tổng Công ty xác định giá trị hợp lý và trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ thì các khoản đầu tư tài chính khác chưa xác định giá trị hợp lý do không có giá niêm yết trên thị trường của cổ phiếu đầu tư và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Thông tin bổ sung của các khoản đầu tư tài chính:**

- (i) Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 hoặc kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024 của các khoản đầu tư này đều có lãi lũy kế.
- (ii) Tổng Công ty đã trích lập dự phòng 100% cho khoản đầu tư này do phần lỗ đã vượt giá trị khoản đầu tư.
- (iii) Hội đồng thẩm định của Tổng Công ty quyết định trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư này theo các thông tin tài chính thu thập được theo quy định.
- (iv) Tổng Công ty đã trích lập dự phòng 100% cho khoản đầu tư này do Công ty Cổ phần Biển Tây đã ngừng hoạt động và Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh nhà không tìm thấy địa chỉ hoạt động.
- (v) Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024 của các công ty này đang lỗ lũy kế. Tuy nhiên, giá trị sở hữu lớn hơn nhiều so với giá gốc khoản đầu tư nên Tổng Công ty không trích lập dự phòng.
- (vi) Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga đã ngưng hoạt động, đang làm thủ tục để giải thể Công ty theo quy định. Sau khi nhận tiền hỗ trợ bồi thường giải phóng mặt bằng từ Ủy ban Nhân dân Quận 2, Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga đã chuyển số tiền tương ứng tỷ lệ vốn góp cho Tổng Công ty trong năm 2017 (Xem thuyết minh số 19). Tuy nhiên, cho đến hiện tại, do Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga chưa hoàn tất việc giải thể, nên Tổng Công ty chưa xử lý bù trừ khoản đầu tư này với phần tiền đã nhận từ Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga.
- (vii) Tổng Công ty đã thỏa thuận dùng 22.000.000 cổ phần của Tổng Công ty có tại Proconco để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 (Xem thuyết minh số 33). Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024 của Proconco có lãi lũy kế.

Theo Giấy chứng nhận phần vốn góp của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Cỏ May số 01/GCN-CMC ngày 20 tháng 3 năm 2015 thì Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần) đã góp đủ giá trị phần vốn góp (theo vốn điều lệ) là 15.000.000.000 VND dưới hình thức giá trị công trình trên đất, tiền hỗ trợ di dời và giá trị lợi thế về khai thác, quản lý sử dụng khu đất tại chân cầu Cỏ May.

Tuy nhiên, Tổng Công ty chưa ghi nhận khoản đầu tư trên do các vướng mắc pháp lý gặp phải trong quá trình triển khai Dự án Cỏ May của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Cỏ May.

Ngày 26/12/2022, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim đã gửi công văn số 135/2022/CV-NKH tới Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần với đề nghị dừng việc thực hiện Dự án Cỏ May và thanh lý Hợp đồng hợp tác đầu tư số 30/2015/HĐKT-TSVN-NK ngày 05/3/2015 vì lý do bất khả kháng (chính sách pháp luật thay đổi), đồng thời tiến hành giải thể liên doanh - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Cỏ May theo quy định. Ngày 05/01/2023, Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần đã có công văn trả lời gửi tới Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim đề nghị sau khi xin chỉ đạo từ Hội đồng quản trị Tổng Công ty sẽ có phản hồi về hướng xử lý thích hợp đối với hợp đồng hợp tác đầu tư số 30/2015/HĐKT-TSVN-NK ngày 05/3/2015. Cho đến nay, Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim vẫn giữ nguyên Hợp đồng hợp tác đầu tư này.

Tình hình biến động dự phòng các khoản đầu tư tài chính trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số đầu năm	65.958.483.061	55.300.644.594
Trích dự phòng trong kỳ	-	5.023.920.000
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(6.394.080.000)	-
Số cuối kỳ	59.564.403.061	60.324.564.594

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 2 - 4 - 6 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**MẪU SỐ B 09a-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ kèm theo

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Primex International	4.246.039.420	5.699.736.000
Công ty Cổ phần In Dining	2.323.198.348	445.313.648
Các đối tượng khác	3.807.795.979	2.809.566.098
Cộng	10.377.033.747	8.954.615.746

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	436.700.000	174.328.000
Công ty TNHH Đà Lạt Caviar	1.000.000.000	-
Công ty TNHH TM Hải Hòa Phát	610.830.342	610.830.342
Công ty Cổ phần SPL	174.250.000	159.250.000
Đối tượng khác	184.167.348	149.252.000
Cộng	2.405.947.690	1.093.660.342

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	60.512.139.791	(2.390.231.205)	21.508.408.876	(2.390.231.205)
Phải thu tiền cổ tức được nhận	43.448.048.300	-	1.173.726.500	-
Ký cược, ký quỹ	6.700.000	-	6.700.000	-
Tiền lãi dự thu	348.028.571	-	4.395.058.756	-
Tạm ứng	72.456.370	-	71.290.000	-
Các khoản bảo hiểm	16.894.545	-	9.149.921	-
DNTN Thương mại Tân Vạn Phát	1.521.188.795	(1.521.188.795)	1.521.188.795	(1.521.188.795)
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Năm Vàng	525.747.790	(525.747.790)	525.747.790	(525.747.790)
Ông Phan Văn Trí	343.294.620	(343.294.620)	343.294.620	(343.294.620)
Công ty TNHH MTV Tài Tâm Long Biên (i)	13.246.662.724	-	12.459.220.099	-
Thoái vốn nhà nước tại Tổng Công ty	673.118.076	-	673.118.076	-
Phải thu ngắn hạn khác	310.000.000	-	329.914.319	-
b) Dài hạn	4.393.720.712	(23.141.800)	4.370.628.046	(23.141.800)
Ký cược, ký quỹ	4.393.720.712	(23.141.800)	4.370.628.046	(23.141.800)

- (i) Đây là khoản tiền thuê đất từ năm 2019 đến ngày 30/06/2024 tại địa chỉ số 02 Ngô Gia Tự, Thành phố Hà Nội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 19/HĐHTKD-SEAPRODEX-T&T ngày 11/5/2012 giữa Tổng Công ty với Công ty TNHH Tài Tâm (Nay là Công ty TNHH MTV Tài Tâm Long Biên). Theo khoản 5.3 Điều 5 của hợp đồng: "...Tiền thuê đất hàng năm, hoặc tiền thuê đất trả một lần, từ thời điểm Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam bàn giao cơ sở nhà đất để thực hiện Dự án hoặc khi có quyết định về hình thức sử dụng đất của UBND Thành phố Hà Nội. Chi phí thực hiện nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất và thuê đất cho nhà nước đối với toàn bộ khu đất Công ty TNHH Tài Tâm tự chịu trách nhiệm...". Hiện tại dự án vẫn chưa triển khai được.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**MÃ SỐ B 09a-DN**

Số 2 - 4 - 6 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ kèm theo***9. NỢ XẤU**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	VND Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	VND Thời gian quá hạn
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	808.904.676	24.773.500		840.674.299	41.401.200	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Bình Minh	150.000.000	-	Trên 3 năm	150.000.000	-	Trên 3 năm
DNTN Thương mại Tân Vạn Phát	244.676.570	-	Trên 3 năm	262.277.193	-	Trên 3 năm
Vựa chị Mai	40.547.000	20.273.500	Từ 1 đến dưới 2 năm	47.716.000	33.401.200	Dưới 1 năm
Công ty Cổ phần Chicken Fire Town	9.000.000	4.500.000	Từ 1 đến dưới 2 năm	16.000.000	8.000.000	Từ 1 đến dưới 2 năm
Các đối tượng khác	364.681.106	-	Trên 3 năm	364.681.106	-	Trên 3 năm
b) Phải thu khác	2.413.373.005	-		2.413.373.005	-	
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Năm Vắng	525.747.790	-	Trên 3 năm	525.747.790	-	Trên 3 năm
Ông Phan Văn Trí	343.294.620	-	Trên 3 năm	343.294.620	-	Trên 3 năm
DNTN Thương mại Tân Vạn Phát	1.521.188.795	-	Trên 3 năm	1.521.188.795	-	Trên 3 năm
Đối tượng khác	23.141.800	-	Trên 3 năm	23.141.800	-	Trên 3 năm
c) Trả trước cho người bán ngắn hạn	610.830.342	-		610.830.342	-	
Công ty TNHH Thương mại Hải Hòa Phát	610.830.342	-	Trên 3 năm	610.830.342	-	Trên 3 năm
Cộng	3.833.108.023	24.773.500		3.864.877.646	41.401.200	

Tình hình biến động dự phòng các khoản phải thu trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Số đầu năm	3.823.476.446	3.951.770.489
Trích dự phòng trong kỳ	7.870.150	5.641.200
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(23.012.073)	(129.107.439)
Số cuối kỳ	3.808.334.523	3.828.304.250

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	1.093.902.016	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	226.501.539	-	257.837.025	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.270.620.182	-	7.109.914.589	-
Hàng hóa	300.641.330	-	650.900.662	-
Cộng	8.891.665.067	-	8.018.652.276	-

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**MẪU SỐ B 09a-DN**Số 2 - 4 - 6 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí MinhBan hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	87.161.417.687	8.126.555.844	3.936.575.055	36.084.250	99.260.632.836
Số dư cuối kỳ	87.161.417.687	8.126.555.844	3.936.575.055	36.084.250	99.260.632.836
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	73.883.548.436	8.040.194.453	3.626.084.222	85.117.150	85.634.944.261
- Khấu hao trong kỳ	513.350.796	6.787.002	45.071.250	-	565.209.048
Số dư cuối kỳ	74.396.899.232	8.046.981.455	3.671.155.472	85.117.150	86.200.153.309
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	13.277.869.251	86.361.391	310.490.833	(49.032.900)	13.625.688.575
Tại ngày cuối kỳ	12.764.518.455	79.574.389	265.419.583	(49.032.900)	13.060.479.527

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2024 với giá trị là 69.081.601.140 VND (tại ngày 01/01/2024 với giá trị là 69.081.601.140 VND).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	25.532.342.472	396.896.000	25.929.238.472
Số dư cuối kỳ	25.532.342.472	396.896.000	25.929.238.472
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	8.024.222.627	396.896.000	8.421.118.627
- Khấu hao trong kỳ	392.805.270	-	392.805.270
Số dư cuối kỳ	8.417.027.897	396.896.000	8.813.923.897
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	17.508.119.845	-	17.508.119.845
Tại ngày cuối kỳ	17.115.314.575	-	17.115.314.575

Quyền sử dụng đất tại lô C2 KCN Sóng Thần 2 với nguyên giá đánh giá lại khi cổ phần hóa là 25.532.342.472 VND và Tổng Công ty đang thực hiện trích khấu hao Quyền sử dụng đất này trong 32,5 năm (bắt đầu từ ngày 17/4/2015 đến ngày 16/10/2047).

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2024 với giá trị là 396.896.000 VND (tại ngày 01/01/2024 với giá trị là 396.896.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ kèm theo

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại số 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (i)	692.174.085.744	692.174.085.744
Công trình Khách sạn Blue Sapphire - Vũng Tàu	229.453.856	229.453.856
Dự án số 02 Ngô Gia Tự, Thành phố Hà Nội	109.694.182	109.694.182
Cộng	692.513.233.782	692.513.233.782

- (i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang - Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại địa chỉ số 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm: giá trị đất, tài sản trên đất và giá trị tiền lãi vay liên quan đến khoản vay của Công ty tại Công ty Cổ phần Bắc Nam 79 dùng để thanh toán cho việc chuyển nhượng Quyền sử dụng đất đã vốn hóa vào giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 131.484.705.744 VND.

- Theo Quyết định số 6739/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 về duyệt phương án giá đất theo giá thị trường của khu đất số 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh để chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần;

- Tổng Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, tài chính để được chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và đã được Chi cục thuế Quận 1 xác nhận Tổng Công ty đã nộp tiền đất tại ngày 24/01/2017, Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận Tổng Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo Công văn số 814 tại ngày 27/01/2017;

Tuy nhiên, cho đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán ngày 30/06/2024, Tổng Công ty vẫn chưa được Cơ quan quản lý Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thực hiện triển khai Dự án xây dựng trung tâm thương mại, văn phòng và căn hộ trên khu đất này.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	56.271.157	97.905.593
Thuê nhà kho, mặt hồ	13.611.112	48.611.112
Các khoản khác	42.660.045	49.294.481
b) Dài hạn	206.119.716	301.877.720
Tiền thuê đất trả 1 lần tại Thành phố Hải Phòng	-	34.400.606
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	52.924.726	118.226.508
Chi phí khác	153.194.990	149.250.606
Cộng	262.390.873	399.783.313

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Primex International	808.513.020	-
Tổng Công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh	149.175.319	252.436.308
Bà Nguyễn Thị Phương Hạnh	90.565.200	87.048.000
Công ty Cổ phần NYD Shipping	-	60.151.572
Đối tượng khác	137.283.990	60.460.724
Cộng	1.185.537.529	460.096.604

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ kèm theo

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	-	232.027.650	-	232.027.650
Các loại thuế, phí khác	1.000.000	-	(1.000.000)	-
Cộng	1.000.000	232.027.650	(1.000.000)	232.027.650
	Số cuối kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND	VND	VND
b) Phải nộp				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	662.291.682	1.946.152.963	(1.577.021.904)	293.160.623
Thuế xuất, nhập khẩu	102.199.856	102.199.856	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.356.537.964	3.356.537.964	(5.629.662.958)	5.629.662.958
Thuế thu nhập cá nhân	224.627.388	1.447.089.548	(1.222.462.160)	-
Tiền thuê đất	-	2.389.491.337	(2.389.491.337)	-
Thuế đất phi nông nghiệp	-	150.456.576	(150.456.576)	-
Các loại thuế, phí khác	-	7.000.000	(7.000.000)	-
Cộng	4.345.656.890	9.398.928.244	(10.976.094.935)	5.922.823.581

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Lãi vay phải trả (i)	4.014.307.036	4.014.307.036
Tiền thuê đất (ii)	17.406.596.784	14.901.917.314
Chi phí trích trước khác	466.623.670	473.938.347
Cộng	21.887.527.490	19.390.162.697

(i) Đây là lãi vay phải trả tính từ ngày 01/07/2023 đến ngày 21/12/2023 cho Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 (Xem thuyết minh số 33).

(ii) Đây là tiền thuê đất trích trước cho lô đất tại 21 Ngô Đức Kế, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; cơ sở nhà đất số 7 Nơ Trang Long, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh và tiền thuê đất tại Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 2 - 4 - 6 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**MẪU SỐ B 09a-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ kèm theo

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn	76.443.991.907	14.178.019.837
Cổ tức phải trả	62.495.820.000	570.000
Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga (i)	4.994.824.935	4.994.824.935
Ngô Quang Huy (tiền thi hành án)	1.776.021.500	1.776.021.500
Trợ cấp thôi việc	871.872.062	871.872.062
Nhận ký quỹ, ký cược	1.799.000.000	2.165.200.000
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	3.870.768.571	3.870.768.571
Các khoản phải trả khác	635.684.839	498.762.769
b) Dài hạn	22.466.510.000	22.466.510.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	22.466.510.000	22.466.510.000

- (i) Là số dư liên quan đến khoản Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga đã chuyển tương ứng tỷ lệ vốn góp của Tổng Công ty đầu tư góp vốn vào Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga (xem thuyết minh số 5).

19. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính. Chi tiết phát sinh như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số đầu năm	4.517.338.652	6.231.009.723
Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh	1.278.816.000	(1.004.784.001)
Số cuối kỳ	5.796.154.652	5.226.225.722

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là 20% (kỳ trước là 20%).

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số đầu năm trước	1.250.000.000.000	(95.950.000)	11.060.891.094	563.296.922.730	1.824.261.863.824
Lãi năm trước	-	-	-	75.628.061.755	75.628.061.755
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(7.046.171.783)	(7.046.171.783)
Giảm khác	-	-	-	(29.241.888)	(29.241.888)
Số cuối năm trước	1.250.000.000.000	(95.950.000)	11.060.891.094	631.849.570.814	1.892.814.511.908
Lãi trong kỳ	-	-	-	62.206.890.474	62.206.890.474
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(62.495.250.000)	(62.495.250.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(4.826.647.559)	(4.826.647.559)
Số cuối kỳ này	1.250.000.000.000	(95.950.000)	11.060.891.094	626.734.563.729	1.887.699.504.823

- (i) Tổng Công ty thực hiện chia cổ tức, trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 62/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2024.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**MÃ SỐ B 09a-DN**Số 2 - 4 - 6 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí MinhBan hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 04 ngày 16/8/2023, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 1.250.000.000.000 VND, tương ứng với 125.000.000 cổ phần.

Tại ngày 30/6/2024, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Đầu-tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	792.280.000.000	63,38%	792.280.000.000	63,38%
Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Hướng Công Viên	-	0,00%	175.260.000.000	14,02%
Công ty CP Quản lý Quỹ HD (HD Capital)	180.000.000.000	14,40%	180.000.000.000	14,40%
Cổ phiếu quỹ	95.950.000	0,01%	95.950.000	0,01%
Các cổ đông khác	277.624.050.000	22,21%	102.364.050.000	8,19%
Cộng	1.250.000.000.000	100%	1.250.000.000.000	100%

Vốn cổ phần

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	125.000.000	125.000.000
+ Cổ phần phổ thông	125.000.000	125.000.000
+ Cổ phần ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phần được mua lại (cổ phiếu quỹ)	9.500	9.500
+ Cổ phần phổ thông	9.500	9.500
+ Cổ phần ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	124.990.500	124.990.500
+ Cổ phần phổ thông	-	-
+ Cổ phần ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**Ngoại tệ**

Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/6/2024 bao gồm 579,9 USD (tại ngày 01/01/2024 là 804,51 USD).

Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Tân Việt	47.914.627	47.914.627
Tòa án Nhân dân tỉnh Bình Thuận	41.000.000	41.000.000
Thuê Xuất nhập khẩu nộp 2 lần tại Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh	6.231.565	6.231.565
Công ty TNHH Chế biến Kinh doanh Hải sản Dương Hà	187.452.000	187.452.000
Cộng	282.598.192	282.598.192

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ kèm theo

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tổng Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty hoạt động trong bộ phận kinh doanh chính là nuôi trồng và thương mại ngành thủy sản. Do đó, Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Khu vực địa lý

Ba bộ phận địa lý chính của Tổng Công ty là Thành phố Hồ Chí Minh, Tỉnh Lâm Đồng và Thành phố Hải phòng. Tổng Công ty trình bày theo báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý như sau:

Chỉ tiêu	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Lâm Đồng	Tổng cộng
Kỳ này / Số cuối kỳ				
1. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	35.681.785.881	1.739.133.775	7.627.797.617	45.048.717.273
2. Giá trị còn lại của Tài sản cố định	29.122.949.271	787.425.248	265.419.583	30.175.794.102
3. Tổng chi phí đã phát sinh để mua Tài sản cố định (theo vị trí của tài sản)	-	-	-	-
Kỳ trước / Số đầu năm				
1. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	34.053.210.245	2.253.630.259	9.739.837.002	46.046.677.506
2. Giá trị còn lại của Tài sản cố định	29.886.089.997	937.227.590	310.490.833	31.133.808.420
3. Tổng chi phí đã phát sinh để mua Tài sản cố định (theo vị trí của tài sản)	-	-	-	-

23. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.074.764.581	46.075.275.829
Doanh thu bán hàng hóa	14.408.601.185	13.378.326.322
Doanh thu bán thành phẩm	7.653.593.725	9.785.067.325
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.012.569.671	22.911.882.182
Các khoản giảm trừ doanh thu	26.047.308	28.598.323
Trong đó:		
Chiết khấu thương mại	26.047.308	28.598.323
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.048.717.273	46.046.677.506

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	13.093.803.471	12.631.184.685
Giá vốn của thành phẩm đã bán	4.514.370.453	5.257.866.204
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	7.440.213.713	8.864.823.035
Cộng	25.048.387.637	26.753.873.924

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ kèm theo

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.249.973.175	4.418.434.144
Chi phí nhân công	6.718.557.014	7.245.868.473
Chi phí khấu hao tài sản cố định	958.014.318	1.246.602.746
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.208.529.037	5.705.302.641
Chi phí khác bằng tiền	5.703.012.372	5.823.815.358
Cộng	21.838.085.916	24.440.023.362

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.046.873.476	24.711.317.179
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	27.053.787	87.106.851
Cổ tức, lợi nhuận được chia	43.939.153.800	40.908.144.800
Lãi bán ngoại tệ	26.015.000	12.636.000
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	188.315.983	3.129.285
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ cuối kỳ	218.511	7.019.061
Cộng	50.227.630.557	65.729.353.176

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Dự phòng/(Hoàn nhập) tổn thất đầu tư tài chính	(6.394.080.000)	5.023.920.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	-	2.447.468
Cộng	(6.394.080.000)	5.026.367.468

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	1.522.191.168	2.031.765.471
Chi phí vật liệu, bao bì	74.262.600	980.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	21.432.220	42.866.184
Chi phí khấu hao TSCĐ	45.071.250	57.821.250
Chi phí dịch vụ mua ngoài	406.597.885	456.533.511
Các khoản chi phí bán hàng khác	625.406.740	527.528.718
Cộng	2.694.961.863	3.117.495.134
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	3.910.628.117	3.899.766.529
Chi phí vật liệu quản lý	63.457.325	49.219.028
Chi phí đồ dùng văn phòng	157.907.564	186.461.417
Chi phí khấu hao TSCĐ	249.222.912	284.842.595
Thuế, phí và lệ phí	452.073.425	443.408.186
Chi phí trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(15.141.923)	(123.466.239)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.018.526.524	1.245.845.436
Các khoản chi phí QLDN khác	1.191.160.350	1.566.850.806
Cộng	7.027.834.294	7.552.927.758

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ kèm theo

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	66.842.244.438	69.314.935.861
Điều chỉnh cho thu nhập không chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>282.857.912</i>	<i>7.412.773.707</i>
- Chi phí không được trừ	282.857.912	261.989.647
- Chênh lệch tạm thời chịu thuế từ dự phòng các khoản đầu tư tài chính	-	5.023.920.000
- Chênh lệch doanh thu do thời điểm ghi nhận khác nhau giữa kế toán và thuế	-	2.126.864.060
<i>Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>50.342.412.531</i>	<i>42.916.181.429</i>
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ năm nay	9.178.731	7.019.061
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	43.939.153.800	40.908.144.800
- Chênh lệch chi phí tương ứng do thời điểm ghi nhận doanh thu khác nhau giữa kế toán và thuế	-	2.001.017.568
- Chênh lệch tạm thời không chịu thuế từ dự phòng các khoản đầu tư tài chính	6.394.080.000	-
Tổng thu nhập chịu thuế	16.782.689.819	33.811.528.139
Tổng thu nhập tính thuế	16.782.689.819	33.811.528.139
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế kỳ hiện hành	3.356.537.964	6.762.305.628

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	1.278.816.000	(1.004.784.001)
Tổng	1.278.816.000	(1.004.784.001)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế liên quan đến dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro vốn (Tiếp theo)**

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	319.364.877.630	195.947.779.875
Nợ thuần	(319.364.877.630)	(195.947.779.875)
Vốn chủ sở hữu	1.887.697.712.779	1.892.814.511.908
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	319.364.877.630	195.947.779.875
Phải thu khách hàng và phải thu khác	67.001.682.645	26.561.558.176
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.000.000.000	118.437.453.503
Các khoản ký quỹ	4.400.420.712	4.377.328.046
Tổng cộng	391.766.980.987	345.324.119.600

Công nợ tài chính

Phải trả người bán và phải trả khác	100.096.039.436	37.104.626.441
Chi phí phải trả	21.887.527.490	19.390.162.697
Tổng cộng	121.983.566.926	56.494.789.138

Tổng Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán như trình bày tại Thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất hay rủi ro giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối kỳ			
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	319.364.877.630	-	319.364.877.630
Phải thu khách hàng và phải thu khác	67.001.682.645	-	67.001.682.645
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Các khoản ký quỹ	6.700.000	4.393.720.712	4.400.420.712
Tổng cộng	387.373.260.275	4.393.720.712	391.766.980.987
Công nợ tài chính			
Phải trả người bán và phải trả khác	77.629.529.436	22.466.510.000	100.096.039.436
Chi phí phải trả	21.887.527.490	-	21.887.527.490
Tổng cộng	99.517.056.926	22.466.510.000	121.983.566.926
Chênh lệch thanh khoản thuần	287.856.203.349	(18.072.789.288)	269.783.414.061
Số đầu năm			
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	195.947.779.875	-	195.947.779.875
Phải thu khách hàng và phải thu khác	26.561.558.176	-	26.561.558.176
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	118.437.453.503	-	118.437.453.503
Các khoản ký quỹ	6.700.000	4.370.628.046	4.377.328.046
Tổng cộng	340.953.491.554	4.370.628.046	345.324.119.600
Công nợ tài chính			
Phải trả người bán và phải trả khác	14.638.116.441	22.466.510.000	37.104.626.441
Chi phí phải trả	19.390.162.697	-	19.390.162.697
Tổng cộng	34.028.279.138	22.466.510.000	56.494.789.138
Chênh lệch thanh khoản thuần	306.925.212.416	(18.095.881.954)	288.829.330.462

32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia không bao gồm số tiền lãi dự thu và số tiền cổ tức trong kỳ mà chưa được thanh toán tại ngày 30/6/2024 lần lượt là 348.028.571 VND và 43.448.048.300 VND (tại ngày 01/01/2024 lần lượt là 4.395.058.756 VND và 1.173.726.500 VND). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng với số chênh lệch đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu không bao gồm số cổ tức chia trong kỳ mà chưa thanh toán tại ngày 30/6/2024 là 62.495.820.000 VND (tại ngày 01/01/2024 là 570.000 VND). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng với số chênh lệch đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp giữa niên độ kèm theo***33. THÔNG TIN KHÁC**

Tổng Công ty đã vay Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 để nộp tiền sử dụng đất của khu đất số 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng vay số 01/2016/HĐVV ngày 23/6/2016 với số tiền là 250.000.000.000 VND, lãi suất 7%. Khoản vay này được đảm bảo bằng 22.000.000 cổ phần của Tổng Công ty có tại Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco (Xem thuyết minh số 5).

Theo bản án phúc thẩm số 346/2019/HS-PT ngày 13/6/2019, Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội ra Quyết định có nội dung liên quan đến quyền và lợi ích của Tổng Công ty như sau: “Buộc Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam nộp số tiền 250.000.000.000 VND (tiền gốc) và 18.403.423.025 VND (tiền lãi) đã vay của Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 cho Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền để đảm bảo cho việc thi hành án đối với nghĩa vụ của pháp nhân, trách nhiệm của bị cáo Phan Văn Anh Vũ trong vụ án này và các giao dịch khác có liên quan”.

Từ ngày 10/02/2023 đến ngày 22/12/2023, Tổng Công ty đã bị cưỡng chế khấu trừ toàn bộ số tiền 268.403.423.025 VND theo Quyết định thi hành án chủ động số 910/QĐ-CTHADS ngày 27/02/2020 để thi hành án liên quan đến bản án phúc thẩm trên.

Ngoài số tiền 268,4 tỷ VND đã được Tổng Công ty thi hành cưỡng chế nêu trên, tính đến hiện nay, Tổng Công ty đã thanh toán thêm 96.196.605.130 VND tiền lãi vay cho Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79. Phần lãi vay còn lại (trong tổng lãi vay tính đến ngày 21/12/2023) chưa được Tổng Công ty thanh toán là 4.014.307.036 VND (Xem thuyết minh số 17).

Hiện tại, giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 vẫn tiếp tục làm việc để giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền lợi của các bên.

Ngoài ra, Tổng Công ty đã cơ Công văn số 371/TSVN-TCKT ngày 19/10/2023 về việc đề nghị xem xét quá trình thi hành án đối với QĐ 910 gửi Cục THADS.TP.Hà Nội và Chấp hành viên Nguyễn Thu Nga để được xem xét và làm rõ và các Công văn khác. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn chưa nhận được phản hồi của các Cơ quan chức năng có thẩm quyền.

**Mai Xuân Phong**

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 8 năm 2024

Vũ Thị Hồng Gấm

Kế toán trưởng

Lê Cao Thủy Linh

Người lập biểu